

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Ông Cao Văn Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, T
phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, T phố
Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 07
tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01
năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; có mặt

Địa chỉ: Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn
Thị P T1 bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P xác định, bà với ông Ngô Quốc T kết
hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện
Hòa Vang, T phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Hòa L, huyện Hòa
Vang, TP. Đà Nẵng. Trong quá T1 chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn,
nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên uống rượu say rồi
đánh đập bà nhiều lần, ông T nghi ngờ bà ngoại tình nên bạo hành cả thể xác và tinh
thần bà P, mặc dù được chính quyền địa P hòa giải nhiều lần nhưng ông T vẫn không
thay đổi, hiện hai người đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay bà Nguyễn Thị P xác định

không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị P xác định, bà với ông Ngô Quốc T có 03 con chung là cháu Ngô T, sinh ngày 04/10/2006, cháu Ngô B, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Ngô Y, sinh ngày 17/01/2016. Ly hôn, bà P giao con Ngô T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà P xin trực tiếp được nuôi hai con Ngô B và Ngô Y, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), mỗi con 1 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P xác định, bà với ông Ngô Quốc T có tài sản chung, gồm: Nhà và đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020, địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Ly hôn, bà P đề nghị Tòa án chia đôi giá trị tài sản mỗi người nhận một nửa tài sản, bà P không có nguyện vọng nhận nhà, đất. Nếu ông T nhận nhà đất thì bà đồng ý giao cho ông T và đề nghị ông T bồi trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản lại cho bà.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác định, bà với ông Ngô Quốc T không có nợ chung.

Theo chứng thư thẩm định giá số 5210386/CT-BTCVALUEĐN tháng 12/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định BTCVALUEĐN, tổng giá trị tài sản là 2.393.527.031đ (hai tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, không trăm ba một đồng); trong đó, giá trị Quyền sử dụng đất là 1.750.000.000 đồng, giá trị công T1 xây dựng là 643.527.031 đồng, bà P hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Về xem xét thẩm định tại chỗ, bà P hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Quốc T T1 bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Quốc T xác định, ông với bà Nguyễn Thị P kết hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Trong quá T1 chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng đã không cho ông biết và cất dấu ở đâu ông không rõ, khi ông hỏi thì bà P nói bà hết tình cảm với ông, để bà P cất giữ khi nào ra Tòa án giải quyết rồi tính, từ việc cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến ông nghi ngờ bà P ngoại tình, nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã, vợ chồng đã mời Công an xã Hòa L đến can thiệp, giải quyết hai lần. Tại lần có Công an xã, chính bà P xác định có ngoại tình, vài ngày sau bà P còn đập bể điện thoại của ông, ông lại tiếp tục báo công an xã đến giải quyết và giao nộp điện thoại cho công an xã Hòa L, hiện Công an xã Hòa L đã trả lại điện thoại cho ông, nhưng vì điện thoại quá cũ nên ông vứt bỏ, không nhận nữa. Công an xã Hòa L có mời hai vợ chồng lên giải quyết L quan đến việc bà P đập điện thoại của ông, nhưng vì tình cảm vợ chồng nên ông T xin rút lại yêu cầu Công an xã định giá

chiếc điện thoại và không yêu cầu Công an xã giải quyết L quan đến hành vi bà P đập điện thoại của ông. Hiện hai người đã sống ly thân hơn 01 năm nay, mặc dù vậy, nhưng ông T xác định vẫn còn tình cảm thương yêu bà P nên bà P xin ly hôn, ông T không đồng ý. Trường hợp bà P cương quyết xin ly hôn thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông Ngô Quốc T xác định, ông với bà Nguyễn Thị P có 03 con chung là cháu Ngô T, sinh ngày 04/10/2006, cháu Ngô B, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Ngô Y, sinh ngày 17/01/2016. Ông T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con. Trường hợp ly hôn, ông T có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Quốc T xác định, ông với bà Nguyễn Thị P có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gắn liền đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Nguồn gốc đất trên là do cha mẹ ông T là ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Thị T1 cho vợ chồng ông sau khi kết hôn, cụ thể là cho từ năm 2009. Nguồn gốc nhà là do tiền vợ chồng xây dựng. Nay bà P yêu cầu chia đôi nhà và đất, do ông T không muốn ly hôn nên ông không đồng ý chia; trường hợp, bà P cương quyết chia thì ông T xin được nhận nhà, đất và thối trả giá trị cho bà P vì mục đích cha mẹ ông cho vợ chồng ông đất là để con cháu ở với nhau chứ không phải để chia. Ông Ngô Quốc T có nguyện vọng tặng cho 3 con nhà, đất nêu trên khi ly hôn.

- Về nợ chung: Ông Ngô Quốc T xác định, ông với bà Nguyễn Thị P không có nợ chung.

Theo chứng thư thẩm định giá số 5210386/CT-BTCVALUEĐN tháng 12/2021 của Công ty Cổ phần thẩm BTCVALUEĐN, tổng giá trị tài sản là 2.393.527.031đ (hai tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, không trăm ba một đồng); trong đó giá trị Quyền sử dụng đất là 1.750.000.000 đồng, giá trị công T1 xây dựng là 643.527.031 đồng, ông Ngô Quốc T hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Về xem xét thẩm định tại chỗ, ông T hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá T1 giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Ngô Quốc T với các nội dung cụ thể sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

2. Về quan hệ con chung:

Giao hai con chung là cháu Ngô B, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Ngô Y, sinh ngày 17/01/2016 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Ngô T, sinh ngày 04/10/2006 cho ông Ngô Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà P nuôi hai con nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà P, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/02cháu (01 cháu 1.000.000đ/tháng). Đối với ông T chỉ nuôi một con; đồng thời ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng khi nuôi con nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà P và ông T đều xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà và đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, tổng giá trị nhà và đất là 2.393.527.031đ (hai tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, không trăm ba một đồng); trong đó, giá trị Quyền sử dụng đất là 1.750.000.000 đồng, giá trị công T1 xây dựng là 643.527.031 đồng.

Xét về nguồn gốc đất, cả ông T và bà P đều xác định là do cha mẹ của ông Ngô Quốc T là ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Thị T1 cho vợ chồng từ năm 2009, với diện tích 308m², bà P và ông T đã được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1655, tờ bản đồ số 12 ngày 09/12/2009, ông T, bà P xác định vợ chồng đã làm nhà ở trên đất từ năm 2009 đến năm 2017 thì đất nhà nằm trong dự án giải tỏa nên được bố trí 02 lô đất, 01 lô ông bà đã bán, còn lại lô đất trên. Đối với nhà là do vợ chồng tự xây dựng nên tài sản nhà, đất trên xác định là tài sản chung của vợ chồng nên bà P yêu cầu chia nhà và đất mỗi người ½ giá trị tài sản là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà P không muốn nhận nhà đất, ông T có nguyện vọng xin được nhận nhà, đất và đồng ý bồi trả giá trị cho bà P nên đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà, đất cho ông T và buộc ông T bồi trả giá trị chênh lệch cho bà P (2.393.527.031đồng: 2 = 1.196.763.515 đồng).

Đối với việc ông T cho rằng muốn tặng cho cả ba con nhà, đất nêu trên, đó chỉ là ý kiến của ông T, bà P không đồng ý nên việc cho con tài sản là quyền định đoạt của ông T nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà P và ông T xác định không có nên không xem xét.

5. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí chia tài sản chung ông Ngô Quốc T và bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự T1 bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn đối với bị đơn ông Ngô Quốc T; trú tại: Tổ 4, Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà P là đúng thẩm quyền được quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Quốc T đều xác định vợ chồng xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng năm 2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

[1.1] Bà P cho rằng, quá T1 chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập bà nhiều lần, ông T nghi ngờ bà ngoại tình nên bạo hành cả thể xác và tinh thần của bà P, mặc dù được chính quyền địa P hòa giải nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, hiện hai người đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà Nguyễn Thị P xác định không còn tình cảm với ông T đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

[1.2] Ông T cho rằng, quá T1 chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng đã không cho ông biết và cất dấu ở đâu ông không rõ, khi ông hỏi thì bà P nói bà hết tình cảm với ông, để bà P cất giữ khi nào ra Tòa án giải quyết rồi tính, từ việc cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến ông nghi ngờ bà P ngoại tình, nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã, vợ chồng đã mời Công an xã Hòa L đến can thiệp, giải quyết hai lần, bà P thừa nhận có ngoại tình, vài ngày sau bà P còn đập bể điện thoại của ông, ông lại tiếp tục báo công an xã đến giải quyết và giao nộp điện thoại cho công an xã Hòa L, hiện Công an xã Hòa L đã trả lại điện thoại cho ông, nhưng vì điện thoại quá cũ nên ông vứt bỏ, không nhận nữa. Công an xã Hòa L có mời hai vợ chồng lên giải quyết L quan đến việc bà P đập điện thoại của ông, nhưng vì tình cảm vợ chồng nên ông T xin rút lại yêu cầu Công an xã định giá chiếc điện thoại và không yêu cầu Công an xã giải quyết L quan đến hành vi đập điện thoại của bà P. Hiện hai người đã sống ly thân hơn 01 năm nay, mặc dù vậy, nhưng ông T xác định vẫn còn tình cảm thương yêu bà P nên bà P xin ly hôn, ông T không đồng ý. Trường hợp bà P cương quyết xin ly hôn thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông T lúc đầu hạnh phúc, thể hiện vợ chồng đã sinh được ba người con chung. Nhưng cuộc sống vợ chồng sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chính ông T và bà P đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ông T ghen tuông, nghi ngờ bà P ngoại tình, hai người

không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng có xô xát, không còn tôn trọng nhau, bà P đập phá điện thoại ông T, chính ông T đã báo công an xã vào can thiệp nhưng hai người không tìm được tiếng nói chung, chính quyền địa P nơi cư trú đã vào can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù hai người còn sống chung một nhà nhưng mọi việc của người nào người đó tự lo, hai người đều thừa nhận đã sống ly thân hơn một năm nay, hiện bà P xác định không còn thương yêu ông T nữa nên xin được ly hôn với ông T. Ông T xác định còn tình cảm và không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được P án hãn gắn tình cảm, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ và hãn gắn tình cảm nhưng bà P vẫn cương quyết xin ly hôn, ông T cho rằng bà P cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua tìm hiểu tại chính quyền địa P cho thấy, địa P đã tiếp nhận thông tin về mâu thuẫn của vợ chồng ông T, bà P, địa P đã vào can thiệp hòa giải.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông T đến nay không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy việc xin ly hôn của bà P là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà P và ông T đều xác nhận, vợ chồng có 03 con chung là cháu cháu Ngô T, sinh ngày 04/10/2006, cháu Ngô B, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Ngô Y, sinh ngày 17/01/2016.

Ly hôn, bà P xin được nuôi hai con là Ngô B và Ngô Y, giao cho ông T trực tiếp nuôi con Ngô T. Ông T xin được nuôi cả ba con chung.

Xét nguyện vọng của bà P và ông T thì thấy: Cả bà P và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, cũng như có quyền nuôi con; đồng thời, bà P và ông T đều có điều kiện để nuôi con, trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, ông T và bà P có ba con chung, do đó không thể giao ba con chung cho một mình ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của ông T được, mà phải xem xét giao con cho cả ông T và bà P nuôi dưỡng là phù hợp hơn.

Trong ba người con chung thì có hai cháu là Ngô T (sinh năm 2006) và Ngô B (sinh năm 2013) hiện đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với ông T, nhưng việc xem xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi cũng phải thỏa mãn các điều kiện về chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con. Hiện cháu Ngô T (sinh năm 2006) là con trai cả và đã gần đến tuổi trưởng thành nên việc ở với ba là phù hợp; hai cháu Ngô B và Ngô Y, đang ở độ tuổi cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên cần thiết phải được giao cho mẹ nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà P về giải quyết con chung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con Ngô B và Ngô Y mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1 triệu đồng/tháng), xét thấy bà P nuôi nhiều hơn ông T 01 con nên yêu cầu của bà P là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà P và ông T đều xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà và đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, tổng giá trị nhà và đất là 2.393.527.031đ (hai tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, không trăm ba một đồng); trong đó, giá trị Quyền sử dụng đất là 1.750.000.000 đồng, giá trị công T1 xây dựng là 643.527.031 đồng.

Xét về nguồn gốc đất, cả ông T và bà P đều xác định là do cha mẹ của ông Ngô Quốc T là ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Thị T1 cho vợ chồng từ năm 2009, với diện tích 308m², bà P và ông T đã được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1655, tờ bản đồ số 12 ngày 09/12/2009, ông T, bà P xác định vợ chồng đã làm nhà ở trên đất từ năm 2009 đến năm 2017 thì đất nhà nằm trong dự án giải tỏa nên được bố trí 02 lô đất, 01 lô ông bà đã bán, còn lại lô đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87, diện tích 100m². Đối với nhà là do vợ chồng tự xây dựng nên tài sản nhà, đất trên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Ông T và bà P đều có quyền ngang nhau trong việc sử dụng, định đoạt khối tài sản chung, nên việc bà P yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà, đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87, diện tích 100m² do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo kết quả chứng thư thẩm định giá số 5210386/CT-BTCVALUEĐN tháng 12/2021 của Công ty Cổ phần thẩm BTCVALUEĐN, tổng giá trị tài sản là 2.393.527.031đ (hai tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, không trăm ba một đồng); trong đó giá trị Quyền sử dụng đất là 1.750.000.000 đồng, giá trị công T1 xây dựng là 643.527.031 đồng, ông Ngô Quốc T và bà Nguyễn Thị P hoàn toàn thống nhất nên Hội đồng xét xử lấy kết quả chứng thư làm căn cứ tính giá trị để chia tài sản chung, (2.393.527.031đồng: 2 = 1.196.763.515 đồng).

Bà P không muốn nhận nhà đất, ông T có nguyện vọng xin được nhận nhà, đất và đồng ý bồi trả giá trị cho bà P nên Hội đồng xét xử giao nhà, đất cho ông T. Ông T có nghĩa vụ bồi trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà P với số tiền là 1.196.763.515đ (một tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm mười lăm đồng).

Ông T cho rằng muốn tặng cho cả ba con nhà đất nêu trên, đó chỉ là ý kiến của ông T, bà P không đồng ý với ý kiến của ông T nên việc ông T có nguyện vọng cho cả ba con tài sản là quyền định đoạt của ông T, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà P và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định.

Án phí chia tài sản chung: Ông Ngô Quốc T và bà Nguyễn Thị P, mỗi người phải chịu 47.902.905đ (bốn mươi bảy triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, chín trăm lẻ năm đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.500.000 đồng và thẩm định giá tài sản 12.000.000 đồng, bà P tự nguyện chịu và đã chi xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 58, 59, 62; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 266 và Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Ngô Quốc T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn đối với ông Ngô Quốc T.

[2] Về quan hệ con chung:

Giao hai con chung là cháu Ngô B, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Ngô Y, sinh ngày 17/01/2016 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Ngô T, sinh ngày 04/10/2006 cho ông Ngô Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Ngô Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Ngô B và Ngô Y, mỗi tháng 2.000.000đ/02 con (01 con 1.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung:

- Giao cho ông Ngô Quốc T được quyền sử dụng, quản lý nhà và đất tại thửa số 271, tờ bản đồ số 87, diện tích 100m² do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020 đứng tên ông Ngô Quốc T và bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, Khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

- Buộc ông Ngô Quốc T có nghĩa vụ bồi trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị P với số tiền là 1.196.763.515đ (một tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm mười lăm đồng).

- Ông Ngô Quốc T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên thửa đất số 271, tờ bản đồ số 87, diện tích 100m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 502887 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020; địa chỉ: Lô 01 phân khu B2-25, khu tái định cư 5, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị P không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T làm thủ tục điều chỉnh sang tên, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì ông T được quyền L hệ với cơ quan nhà nước để điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 502887 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/12/2020.

[4] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà P đã nộp tại biên lai thu số 0008346 ngày 07/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà P đã nộp đủ án phí.

[6.2] Án phí chia tài sản chung:

- Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 47.902.905đ (bốn mươi bảy triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, chín trăm lẻ năm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.250.000đ (hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) bà P đã nộp tại biên lai thu số 0008347 ngày 07/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà P còn phải nộp thêm số tiền 24.652.905đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm lẻ năm đồng).

- Buộc ông Ngô Quốc T phải chịu 47.902.905đ (bốn mươi bảy triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, chín trăm lẻ năm đồng).

[7] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/01/2022.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh